

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI
MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: 01 (86) 2025
ISSN 1859-2635

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

CVRSS

Tap chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Trần Minh Đức

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Ủy viên Bộ Chính trị

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hoá

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Băng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuần

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BAN BIÊN TẬP

ThS. Châu Ngọc Hoè

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ

Số 01 năm 2025

Năm thứ mười tám

Mục lục

- Bàn về công tác phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường tại tỉnh Quảng Nam: Xây dựng văn bản, chương trình, kế hoạch và phân công, phối hợp thực hiện..... **3**
Trần Minh Đức, Nguyễn Hoàng Yến
- Bàn về quy định “chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật” theo điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thực tiễn áp dụng tại tòa án **13**
Nguyễn Hữu Hưng
- Phát triển kinh tế dược liệu vùng biên giới đất liền tỉnh Quảng Nam..... **19**
Hoàng Hồng Hiệp, Hồ Thị Kim Thùy, Trần Ngọc Ánh
- Ảnh hưởng của đổi mới xanh, năng lượng tái tạo, công nghiệp hóa và chất lượng thể chế đến tăng trưởng xanh ở Việt Nam **29**
Đoàn Ngọc Phúc
- Vai trò trung gian của nhận thức trong mối quan hệ giữa các đặc điểm tính cách và hiệu quả đầu tư cổ phiếu **40**
Nguyễn Minh Trí, Lê Minh Hiếu
- Tác động của ứng dụng công nghệ số đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp khởi nghiệp du lịch Việt Nam..... **48**
Nguyễn Văn Toại
- Vận dụng mô hình Servqual để giải thích sự hài lòng của người dân sử dụng ví điện tử: Nghiên cứu trường hợp người dân sống tại thành phố Nha Trang..... **56**
Nguyễn Thị Nga, Đỗ Thị Ly, Nguyễn Thị Thái Ngọc
- Đánh giá tính bền vững trong phát triển du lịch dưới góc độ môi trường tại thành phố Đà Lạt **65**
Lê Chí Công, Nguyễn Nam Sơn
- Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của nông hộ trong trồng bưởi theo tiêu chuẩn VietGap và truyền thống ở An Giang **76**
Nguyễn Lan Duyên
- Ảnh hưởng của văn hóa doanh nghiệp đến tính hững hờ tập thể - Nghiên cứu tại thành phố Hồ Chí Minh..... **86**
Vũ Bá Thành, Ngô Văn Toàn, Đào Vũ Thắng
- Các yếu tố ảnh hưởng đến sự chữa lành trong cuộc sống của Gen Z..... **97**
Nguyễn Quang Anh, Huỳnh Trọng Hiến, Lê Ngọc Bảo Trân, Nguyễn Ngọc Ánh Tuyết, Trương Hoàng Trân
- Mối quan hệ giữa tinh giản bộ máy nhà nước với phát triển đất nước phồn vinh ở Việt Nam hiện nay **108**
Võ Văn Dũng
- Xây dựng mô hình an sinh xã hội gắn tình hình thực tiễn để nâng cao chất lượng đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong giai đoạn mới **115**
Phạm Đi
- Sự chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 của Đảng Lao động Việt Nam..... **123**
Đinh Văn Trọng, Nguyễn Thị Kiều Trinh
- Những điều kiện cho sự khởi phát tư tưởng và phong trào Duy Tân ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX.. **132**
Ngô Văn Minh
- Giá trị các nghề truyền thống trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng **140**
Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thị Diệu Hằng, Hoàng Ngọc Thạch

Giấy phép xuất bản số 81/GP-BTTTT cấp ngày 01 tháng 04 năm 2024

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên; In 100 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 01 năm 2025.

In tại Công ty TNHH in Trùng Khoa, số 28 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nộp lưu chiếu tháng 04/2025.

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review

No. 01, 2025

The 18th Year

Contents

1. Discussion on the dissemination and education of environmental protection policies and laws in Quang Nam Province: Development of documents, programs, plans, assignment and coordination of implementation **3**
Tran Minh Duc, Nguyen Hoang Yen
2. Discussion on the provision “the conditions for initiating lawsuits prescribed by law are not fully satisfied” stipulated by the Article 192(1)(b) of the Vietnam Civil Procedure Code 2015 and its practical application in courts..... **13**
Nguyen Huu Hung
3. The development of the medicinal herb economy in the land border region of Quang Nam Province **19**
Hoang Hong Hiep, Ho Thi Kim Thuy, Tran Ngoc Anh
4. The impact of green innovation, renewable energy, industrialization and institutional quality on green growth in Vietnam **29**
Doan Ngoc Phuc
5. The mediating role of perception in the relationship between personality traits and stock investment performance..... **40**
Nguyen Minh Tri, Le Minh Hieu
6. The impact of digital technology application on business performance of Vietnamese tourism startups..... **48**
Nguyen Van Toai
7. Applying the SERVQUAL model to explain the satisfaction of people using e-wallets: A case study of residents in Nha Trang City..... **56**
Nguyen Thi Nga, Do Thi Ly, Nguyen Thi Thai Ngoc
8. Sustainable Tourism Development in Da Lat City: An Environmental Perspective **65**
Le Chi Cong, Nguyen Nam Son
9. Determinants of the economic efficiency of grapefruit-growing households under VietGap and traditional standards in An Giang..... **76**
Nguyen Lan Duyen
10. The impact of organizational culture on collective social loafing – A case study in Ho Chi Minh city... **86**
Vu Ba Thanh, Ngo Van Toan, Dao Vu Thang
11. Factors affecting the healing process of Gen Z. **97**
Nguyen Quang Anh, Huynh Trong Hien, Le Ngoc Bao Tran, Nguyen Ngoc Anh Tuyet, Truong Hoang Tran
12. The relationship between downsizing government staff and achieving national prosperity in Vietnam..... **108**
Vo Van Dung
13. Building a social welfare model linked to practical circumstances to improve the quality of life for people in Quang Nam province in the new period..... **115**
Pham Di
14. The preparation for the 1975 Spring General Offensive and Uprising by the Vietnam Labor Party..... **123**
Dinh Van Trong, Nguyen Thi Kieu Trinh
15. Conditions for the emergence of the ideology and Duy Tan movement in Quang Nam province in the early 20th century **132**
Ngo Van Minh
16. The value of traditional crafts in Thanh Khe district, Da Nang city..... **140**
Nguyen Minh Phuong, Nguyen Thi Dieu Hang, Hoang Ngoc Thach

Những điều kiện cho sự khởi phát tư tưởng và phong trào Duy Tân ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX

Ngô Văn Minh

Học viện Chính trị khu vực III

Email liên hệ: ngovanminhhvkv3@gmail.com

Tóm tắt: Những năm đầu thế kỷ XX, công cuộc vận động cứu nước ở nước ta xuất hiện một tư tưởng cứu nước mới, đó là tư tưởng Duy Tân tự cường với đại diện tiêu biểu là Phan Châu Trinh, cùng với hai đồng chí của ông là Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng tạo nên Bộ Ba Duy Tân Quảng Nam và đã hiện thực hóa thành mô hình rồi phát triển thành phong trào Duy Tân trên diện rộng toàn tỉnh Quảng Nam, có ảnh hưởng lớn đến phong trào Duy Tân của cả nước. Bài viết nhằm góp phần lý giải câu hỏi vì sao Quảng Nam là nơi khởi phát, cả về mặt cá nhân khởi xướng tư tưởng cho đến tạo lập mô hình Duy Tân đầu tiên, mà không phải là địa phương khác?

Từ khoá: Tư tưởng Duy Tân, Phong trào Duy Tân, Bộ Ba Duy Tân Quảng Nam, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng.

Conditions for the emergence of the ideology and Duy Tan movement in Quang Nam province in the early 20th century

Abstract: In the early twentieth century, Vietnam's movement for national salvation appeared a new thought that is the reform ideology, prominently represented by Phan Chau Trinh, who together with his two comrades, Tran Quy Cap and Huynh Thuc Khang, created the Quang Nam Renovation Trio. They realized it as a model and developed into a large-scale renovation movement throughout Quang Nam province, which had a great influence on the renovation movement across the country. The article aims to explore why Quang Nam - rather than any other locality - is the starting place, both personally initiating ideas to creating the first model of innovation.

Keywords: Reform ideology, Reform movement, Quang Nam Reform Trio, Phan Chau Trinh, Tran Quy Cap, Huynh Thuc Khang.

Ngày nhận bài: 06/2/2023 **Ngày phản biện:** 10/2/2023 **Ngày duyệt đăng:** 15/5/2023

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình lịch sử của dân tộc, để tồn tại và phát triển đòi hỏi phải có sự cải cách, đổi mới, hoặc từ phía Nhà nước ra chủ trương rồi triển khai thực hiện, hoặc từ phía cá nhân đề xuất, có trường hợp được nhà nước chấp nhận, có trường hợp không được chấp nhận. Có trường hợp tư tưởng cải cách, đổi mới được đề xướng và thực hiện khi đất nước độc lập, có chủ quyền, cũng có trường hợp khi đất nước đã bị ngoại bang đô hộ. Nhưng chung quy lại, các chủ trương cải cách trước thế kỷ XX đều nằm trong khuôn khổ ý thức hệ phong kiến, luôn đặt quân chủ lên hàng đầu. Chỉ đến đầu thế kỷ XX, với hoạt động lập thuyết của Bộ Ba Xứ Quảng (Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng) và triển khai cuộc vận động Duy Tân cải cách một cách quyết liệt của hàng ngũ sĩ phu thức thời, một phong trào Duy Tân sôi nổi trên nhiều lĩnh vực mới được khởi phát tại Quảng Nam, sau đó lan ra nhiều tỉnh khác ở Nam Trung Kỳ, ảnh hưởng đến Nam Kỳ và Bắc Kỳ.

Sự xuất hiện của tư tưởng Duy Tân và phong trào Duy Tân ở Việt Nam đầu thế kỷ XX có những nguyên nhân nội tại từ trong nước, lại có nhân tố ảnh hưởng từ bên ngoài. Trong nước, các phong trào yêu nước kháng chiến chống Pháp trong khuôn khổ ý thức hệ phong kiến cho đến cuối thế kỷ XIX đều đã thất bại. Công cuộc cứu nguy dân tộc cần phải có một hệ tư tưởng mới. Sau khi căn bản hoàn thành được công cuộc bình định bằng quân sự, thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa ở Việt Nam. Về khách quan, với cuộc khai thác thuộc địa này, thực dân Pháp đã du nhập vào nước ta một nền văn minh mới – nền văn minh cơ khí tiến bộ hơn nền văn

minh nông nghiệp lúa nước, một phương thức kinh doanh mới, đó là những ngân hàng, đồn điền khác với lối làm ăn manh mún, nhỏ lẻ tự bao đời của người Việt, và một nền văn hóa tư sản mới mẻ, nhiều khác biệt với văn hóa phong kiến. Đương lúc các sĩ phu thức thời đoạn tuyệt với hệ tư tưởng cũ, đang cố tìm một hướng đi mới thì chính sự du nhập những tân thư, tân văn mang theo tinh thần tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây do người Trung Hoa dịch, cùng với đó là những tin tức hấp dẫn về sự thành công của công cuộc Duy Tân Nhật Bản, rồi tin tức Nhật đánh thắng Nga trong cuộc chiến tranh 1904-1905 và cuộc vận động Duy Tân ở Trung Quốc truyền sang khiến các sĩ phu thức thời Việt Nam đón nhận với tất cả sự phấn khích, xem đó như là một sự khai phóng cho tư tưởng của mình.

Nhưng, tại sao lại là Quảng Nam, cả về mặt cá nhân khởi xướng tư tưởng cho đến tạo lập mô hình Duy Tân đầu tiên mà không phải là một địa phương khác, như Huế “là một nơi trung tâm điểm học thuật chính trị nước ta, mà cũng một nơi đô hội, hội hiệp cả sĩ phu trong nước”, nơi Phan Châu Trinh đọc được sách mới của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu đến mức “trong lòng ham thích quên ngủ, quên ăn, từ đó trong tư tưởng đổi hẳn ra một cách mới mẻ” (Huỳnh Thúc Kháng, 1959, tr15,14)?

Đã có một số nhà nghiên cứu lý giải cho câu hỏi này. Học giả Nguyễn Văn Xuân trong công trình biên khảo *Phong trào Duy Tân* (bản thảo lần đầu được Lá Bối in năm 1970) có hẳn một chương về căn cứ địa của phong trào. Đặt trong sự liên hệ với Thừa Thiên, Nghệ Tĩnh, Hà Nội, ông cho rằng: “Vì Nghệ Tĩnh có nhiều sĩ phu anh hùng nhưng không có cửa biển nào để dân chúng mở rộng đôi mắt. Thừa Thiên tuy đào tạo nổi một Nguyễn Lộ Trạch mà không đủ quần chúng sĩ phu tân tiến, không đủ những nhà tư sản, sản xuất thương mại, đòi hỏi Duy Tân, lại bị chế độ phong kiến bóp nghẹt. Hà Nội có những sĩ phu giác ngộ, nhưng đã lâu, dưới sự cưỡng chế của Triều Nguyễn, sĩ phu Hà Nội bị gạt ra khỏi “tập đoàn” lãnh đạo, nên nay trở nên bơ vơ. Quảng Nam có những điều kiện về cửa biển, về nguồn lợi, và nhất là sĩ phu có óc cải tiến và quần chúng ít thành kiến cho nên Duy Tân là một nhu cầu chính trong sinh kế, trong phát triển và cả trong dự phóng cứu nước một cách hữu hiệu” (Nguyễn Văn Xuân, 1995, tr77).

Tiếp nối học giả Nguyễn Văn Xuân và một số nhà nghiên cứu khác, bài viết tiếp tục góp bàn thêm về đặc tính tâm lý - tư duy, đặc điểm đấu tranh chống Pháp cuối thế kỷ XIX, những chuyển biến về kinh tế - xã hội và yếu tố con người của Quảng Nam những năm đầu thế kỷ XX.

2. Những điều kiện cho sự khởi phát tư tưởng và phong trào Duy Tân ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX

Ở góc nhìn địa - văn hóa, Quảng Nam là một vùng đất mở trong tiến trình Nam tiến của dân tộc Việt. Vốn hình thành từ các thế hệ tiền nhân, đã quyết chí ra đi mở cõi, đi tìm vùng đất mới, tức là không chịu lệ thuộc bởi khuôn mẫu, đã đến vùng đất mới ắt phải thích ứng với cái mới, và như thế dễ dàng phát huy sáng kiến hơn. Nhất là nhờ về địa thế có hai cửa biển Đà Nẵng và Hội An – nơi “hội thủy, hội nhân và hội tụ văn hóa vô cùng đa dạng” (Trần Quốc Vượng, 1998, tr.447), nên người Quảng Nam sớm tiếp xúc với văn hóa của nhiều nước lớn phương Đông (Trung Hoa, Nhật Bản), phương Tây (Pháp, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Anh, Pháp, Mỹ) thông qua các thương nhân, các nhà truyền giáo. Giáo sư Trần Quốc Vượng nhận xét: “Đất Quảng Nam là nơi hội tụ, giao tiếp văn hóa Bắc – Nam; đó cũng là nơi tiếp nhận và nhào nặn lại, trên nền tảng văn hóa bản địa” và “cũng là nơi đón nhận các luồng giao lưu văn hóa quốc tế với Ấn Độ và thế giới hải đảo Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, với Trung Hoa, với Nhật Bản, với phương Tây - Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp, Mỹ - với Liên Xô (cũ) thế giới xã hội chủ nghĩa, hôm qua và hôm nay” (Trần Quốc Vượng, 1998, tr.419, 420-421).

Người Quảng Nam có đầu óc duy lý, lôgic (Đỗ Quang Hưng, 1993, tr195). Khi nhận xét về ảnh hưởng của đặc tính này đối với Phan Châu Trinh, Giáo sư Đỗ Quang Hưng cho rằng: “Một lối tư duy mới với trí phán đoán không gì gò bó trong cái nịt áo Nho giáo chắc hẳn đã giúp Phan Châu Trinh từ chiêm nghiệm thực tế và trong sách vở, đã nhanh chóng phát hiện chủ thuyết “Khai thông dân trí, chấn hưng dân khí, hậu dân sinh”. Rồi cũng lối suy nghĩ độc lập và độc đáo đó trong khi tiếp thu những tư tưởng dân chủ của văn minh Tân học sách, Tuyên ngôn vô danh của phái

cải cách ở nước ta đầu thế kỷ, Phan Châu Trinh chủ trương “Ý Pháp cầu tiến bộ”. Đó là ảo tưởng, nhưng không phải không có khía cạnh độc đáo trong suy nghĩ. Là người thích thú văn minh phương Tây, coi trọng sự giao lưu quốc tế, nhưng lại kiên quyết phê phán “vọng ngoại”, dựa vào đế quốc Nhật của Sào Nam...” (Đỗ Quang Hưng, 1993, tr.195).

Hầu như ở người Quảng Nam luôn hằn sâu trong tư duy của mình một tinh thần phản biện (Cãi) để tồn tại và phát triển. Cãi với người Chăm để không bị đồng hóa về mặt văn hóa; cãi với các nhà buôn, các nhà truyền giáo phương Tây để giữ gìn cái gốc tinh thần đạo lý phương Đông, nhưng vẫn tiếp thu yếu tố văn minh phương Tây. Ở khía cạnh tích cực thì cãi cho thấy có trình độ, có lý luận. Và cãi cũng cho thấy đó là một vùng đất trọng dân chủ - vì có dân chủ mới có cãi/ dám cãi nên đông đảo giai tầng từ giới nho sĩ đến người dân đều hào hứng với tư tưởng dân chủ, dân quyền của các nhà khởi xướng Duy Tân đầu thế kỷ XX.

Dân Quảng Nam đã hay biện luận, mà nho sĩ Quảng Nam lại có trình độ, có cái cá tính “cứng cỏi, bạo nói” (Quốc Sử quán Triều Nguyễn, 1964, tr.15), *có tinh thần “bôn cạnh”* (Quốc Sử quán Triều Nguyễn, 1992, tr.339) *gánh vác trách nhiệm quốc gia nên sẵn sàng cãi lại cả những nhận thức, quan niệm lỗi thời*. Đến các nhà nho Duy Tân đầu thế kỷ XX thì quả là một cuộc cãi lớn, đến mức tôn dân đố vua, hạ thế độc tôn của tư tưởng Khổng Mạnh; đả phá cả lối học cũ và những cái tệ của tâm lý quốc dân. Cãi cỡ đó thì làm sao có thể đặt đại bản doanh tại đất kinh kỳ, nơi tọa vị của ngai vàng quân chủ chuyên chế được. Ấy là chưa kể quan trường chốn kinh thành bấy giờ, như Huỳnh Thúc Kháng chỉ ra là gắn bó với bóng lộc triều đình “đến tháng thì cấp, trật đủ năm tháng, cái hạnh phúc cao xa tứ mã, vinh thân phì gia ngày sau đã thấy rõ tới trước mặt. Ai được cái địa vị như thế, mà không lo hai tay ôm chặt, sợ rủi ro mà sẩy đi lom khom nhòm nhém cho qua ngày, khăn áo cho đẹp, da mặt cho trơn, ngực đeo thẻ bài ngà, chun mang đôi giày hạ, vác mặt tự đắc mà khoe với người ta rằng: “Cụ lớn yêu tôi! Cụ lớn yêu tôi!”. Thử hàn lâm chúng ta ngày nay chỉ trà cho ngon là đủ, việc nước quách thầy, can chi mình mà nói cho mệt!”. Thế nên vừa mới nghe Phan Châu Trinh luận bàn việc nước đã có những người “nhắm mắt le lưỡi”, có kẻ sợ bị liên lụy phải lén bỏ đi, “không dám ngồi nghe cho hết lời” (Huỳnh Thúc Kháng, 1959, tr.13, 14). Phan Châu Trinh đã thử gập một vị đại thần ở kinh đô để ướm thử tư tưởng nhưng ông đã thất bại, và ông đã viết “Điện Xá Ông truyện” để châm ông quan nhu nhược này.

Từ thế kỷ XIX người Quảng Nam đã từng nghĩ đến một phương cách cứu nước mới. Đó là Duy Tân tự cường. Những đề xuất canh tân của Phạm Phú Thứ là khá sớm, nhưng những tư tưởng tiến bộ của ông đã bị những đại thần thủ cựu ở Triều đình cản trở. Trong một bản phúc trình chính trị gửi cho Thống soái Nam Kỳ Duperré để ngày 28/4/1876, Trương Vĩnh Ký cho biết: “Những tư tưởng mới mẻ này, Triều đình muốn áp dụng nhưng hình như lại tỏ ra bất lực và tất cả lòng tốt đó đều bị tiêu trảm bởi ảnh hưởng ưu thắng của vài nhân vật ương ngạnh và quyền thế, những kẻ thù của chủ nghĩa tân thức” (Nguyễn Sinh Duy, 1996, tr.117). Lê Đĩnh (Lê Đình Đĩnh) sau chuyến đi sứ đến Hương Cảng (Hồng Kông) năm 1881 về dâng biểu lên vua Tự Đức đề nghị theo gương các nước Thái Tây phát triển binh, thương “Lấy binh lính mà bênh vực việc buôn bán, lấy việc buôn bán mà nuôi binh lính” để đất nước phú cường, giữ được độc lập, nhưng bị đình thần bác đi, cho là không hợp thời (Trần Trọng Kim, 2022, tr.527). Sau đó là những đề xuất của Nguyễn Thuật từ kết quả khảo sát phong trào vận động Dương Vụ, là phong trào cận đại hóa đầu tiên trong lịch sử cận đại Trung Quốc trong chuyến đi sứ sang Thiên Tân (Trung Quốc) vào năm 1883 cũng rất đặc sắc. Nhưng khát vọng Duy Tân của Hà Đình Nguyễn Thuật vừa mới chớm nở thì năm sau (1884) thực dân Pháp đã buộc Triều đình Nguyễn ký Hiệp ước Patenôtre thừa nhận sự bảo hộ của Pháp trên toàn cõi Việt Nam. Với những gương mặt canh tân như thế, Phó giáo sư, Tiến sĩ Phạm Xanh và Giáo sư Vũ Ngọc Khánh có nhận xét: “ở một khía cạnh nào đó ta có quyền nói tới đất Quảng Nam có một truyền thống Duy Tân, cả trên bình diện lý thuyết và thực hành” (Phạm Xanh, 2003), và các nhà Duy Tân Quảng Nam đầu thế kỷ XX, tất nhiên phải được tiếp nhận truyền thống từ Phạm Phú Thứ và những bậc tiền bối đồng hương của mình (Vũ Ngọc Khánh, 2003). Phó giáo sư, Tiến sĩ Chương Thân cũng cho rằng: “xứ Quảng vốn được coi là có truyền thống về tư tưởng Duy Tân. Lịch sử đã chứng minh tư tưởng Duy Tân ấy đã được nối dài từ Phạm Phú Thứ đến phong trào Duy Tân của các chí sĩ Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp và rồi từ xứ Quảng lan tỏa khắp cả nước, góp phần thúc đẩy

phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX và cả trong công cuộc đổi mới và hội nhập thế giới hiện nay” (Chương Thu, 2014, tr.11).

Quảng Nam là một tỉnh lớn sát cạnh kinh đô Huế, lại là nơi có cảng thị Hội An nên con người nơi đây *sớm tiếp xúc với các yếu tố tư bản chủ nghĩa về cách làm ăn buôn bán của các nước phương Tây*. Cuối thế kỷ XVI sang thế kỷ XVII, nhiều thương nhân Trung Quốc, Nhật Bản đã đến xứ Quảng, tập trung ở Hội An để trao đổi buôn bán. Được phép của các Chúa Nguyễn họ đã tụ cư, lập ra “Đường nhân phố” và “Nhật Bản phố” để hoạt động thương nghiệp. Với chính sách ngoại thương thoáng mở của các Chúa Nguyễn, thương nhân các nước Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp đều đến buôn bán tại đây, làm cho Hội An trở thành nơi đô hội, nơi mở ra làm ăn của Đàng Trong với các nước. Như vậy, *trên lĩnh vực kinh tế, người Quảng Nam đã sớm có tư duy kinh tế mở, và con người nơi đây đã hình thành được một truyền thống buôn bán, làm ăn với nước ngoài*. Sang thế kỷ XIX, khi vị trí của Hội An ngày càng mờ nhạt thì Đà Nẵng vươn lên trở thành một hải cảng ngoại giao của Triều Nguyễn, là cảng khẩu độc quyền đón nhận những thương thuyền phương Tây và đã được nhà nước bấy giờ thể chế hóa bằng các tổ chức mật dịch, thuế khóa, những quy định cụ thể bằng các văn bản pháp quy của Triều đình cho thuyền buôn các nước đến buôn bán. Cũng chính từ sự tác động của hoạt động ngoại thương và ngoại giao tại cửa biển Đà Nẵng mà trong thời gian này hoạt động giao lưu của người Quảng Nam với các nước phương Tây tiếp tục duy trì. Nhất là từ khi Đà Nẵng trở thành thành phố hiện đại đầu tiên ở miền Trung kể từ năm 1889 thì nơi đây đã có một kết cấu hạ tầng kỹ thuật khang trang với những biệt thự, công sở, những con đường chạy ngang dọc... Chỉ mới hai năm thôi, vùng cồn cát, thôn dã cửa sông ven biển ở tả ngạn sông Hàn này đã nhanh chóng thay đổi diện mạo. Viên Công sứ Quảng Nam A. J. Gouin mô tả sự phát triển của “nhượng địa” Đà Nẵng vào năm 1891 như sau: “Thành phố Đà Nẵng ngày càng phát triển. Nhà từ đất mọc lên như nấm; một kè được xây dựng và các tàu vận chuyển hàng hóa từ vịnh vào cảng. Một đại lộ song song với dòng sông, hai bên có nhà xây bằng gạch. Mọi việc chỉ rõ ràng một thành phố thương mại đang hình thành và sẽ nổi tiếng trong tương lai... từ khi tàu hơi nước có khuynh hướng phổ cập, Hội An xuống dốc, nhường tầm quan trọng lại cho Đà Nẵng” (Gouin, 1903, tr.547). Cùng trên một dòng sông Hàn mà hai bên bờ quan cảnh trái ngược nhau:

*Đứng bên ni Hàn, ngó bên tê Hàn thấy nước xanh xanh như tàu lá
Đứng bên tê Hàn ngó bên ni Hàn phố xá nghênh ngang*

(Câu ca của người dân Đà Nẵng)

Và,
*Râm râm ngựa lại với xe qua
Nhượng địa là đây có phải a?*

(Thơ của bà Bang Nhãn)

Cho đến đầu thế kỷ XX thì hạ tầng kỹ thuật của “nhượng địa” đã cơ bản xây dựng xong. Các công ty vận tải như công ty vận tải đường biển Mesageries maritimes, công ty chuyên chở tổng hợp Chargeursréunis, công ty cho thuê tàu kéo Đông Dương Affrêteurs Indochinois, công ty duyên hải Trung Kỳ Compagnie côtière de l’Annam, các công ty chuyên chở tổng hợp khác như Fiar, Denis Frères; chi nhánh Ngân hàng Đông Dương đều có mặt tại đây. Các nhà tư bản Pháp như Morin Frères đặt cơ sở kinh doanh và khách sạn; Bogaret đặt cơ sở sản xuất nước đá; Leroy và De Lafaulotte nắm thầu khoán các công trình xây dựng; hãng LUCIA chuyên buôn bán tạp hóa; v.v...

Đường thủy, đường bộ được mở ra các huyện của Quảng Nam phục vụ cho công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Các đồn điền khai thác theo lối tư bản chủ nghĩa mọc lên ở các địa phương: đồn điền lúa ở Hòa An; đồn điền cà phê Lieberia, Arabica ở Hòa Vang, đồn điền chè ở Đức Phú, Chiên Đàn, Phước Lợi; đồn điền chè và 3 cơ sở chế biến đặt tại vùng tam giác Phú Thượng - Tùng Sơn - An Ngãi; trạm canh nông và nhà máy hấp kén ươm tơ ở Giao Thủy; khai thác vàng ở Bông Miêu, A Bá, Đèo Ron; khai thác than ở Nông Sơn; khai thác kẽm ở Đức Bồ, v.v... Cùng với các nhà tư bản Pháp là các nhà tư bản Hoa Kiều với các hãng buôn lớn như: Kim Sơn, Quảng Hòa Mỹ, Quảng Triều Hưng, Diệp Hòa Hưng, Đồng Lợi Hưng, La Thiên Thái, Vinh Xương Long, Tống Lý Long, Wing Chéong Seng. Đến thời gian này thì người Quảng Nam không còn trực diện

với một số người Tây đến buôn bán nữa, mà đã trực tiếp với cả một cộng đồng kiều dân các nước. Số liệu năm 1906 cho thấy tại thành phố “nhượng địa” Đà Nẵng dân số có khoảng 10.000 người thì đã có đến 400 người Âu, 450 người Hoa, 24 người Ấn, 18 người Nhật (Ngô Văn Minh, 2007, tr.118-119). Ở vùng nông thôn họ đối diện với những “cô lon” Pháp chiếm đoạt khai thác hàng ngàn héc ta đất lập đồn điền. Cũng do công cuộc khai thác thuộc địa, lại có Đà Nẵng là một trung tâm thương mại, công nghiệp nên đã sớm dẫn đến sự phân hóa giai cấp, *xuất hiện giai tầng mới trong cộng đồng dân cư Quảng Nam*, bởi họ buộc phải tìm kế sinh nhai, như câu ca lưu truyền trong dân gian:

*Cha mẹ sinh ra trai gái mười người,
Năm trai, năm gái tốt tươi như rông,
Ba người làm thợ Kim Bồng,
Ba người có chồng làm thợ Bông Miêu,
Ba người buôn bán chợ chiều,
Chỉ còn ta với bạn ở lại dắt dìu mẹ cha.*

Mỗi bộ phận dân cư có nghề nghiệp và điều kiện sống khác nhau. Phần lớn vẫn là nông dân, tiếp đến là thợ thủ công. Nhưng bắt đầu xuất hiện một bộ phận mới, đó là công nhân đồn điền, công nhân hầm mỏ, công nhân giao thông vận tải, công nhân dệt, công nhân cơ khí. Trong số họ có một số chỉ là công nhân theo mùa, nửa công nửa nông như: công nhân khâu vá, công nhân thủ công ở các lò đường. Những nơi tập trung đông công nhân nhất là mỏ vàng Bông Miêu, mỏ than Nông Sơn, cảng Đà Nẵng, hãng ô tô vận tải Staca, hãng chè Fiard, nhà máy ươm tơ hấp kén Giao Thủy. Và cũng đã bắt đầu xuất hiện một số người Việt phát lên thành tư sản nhờ nghề thầu khoán như: Bùi Huy Tín, Nghè Giá, Nghè Mại, Nghè Phụng ở Đà Nẵng, Cửu Cang, Thông Đăng, Cửu Huỳnh ở Hội An. Lê Văn Tập, Phạm Phú Nho có chân hội viên Phòng Thương mại Đà Nẵng. Nguyễn Hữu Thí lập công ty xay xát gạo Trường Lăng, Phạm Văn Phi lập công ty vận tải Phạm Văn Phi et Cie. Một số phú nông ở Duy Xuyên cũng bắt đầu bỏ tiền mở các xưởng ươm tơ dệt lụa, v.v...

Như vậy, *đập vào mắt của kẻ sĩ thức thời là một phương thức sản xuất mới, và cũng đập vào mắt người dân ở các làng quê những cách làm ăn mới của kẻ đi xâm lược, cả sự cố gắng vươn lên làm giàu của những tư sản người Việt khi biết đổi mới tư duy làm ăn kinh tế - dẫu rằng chỉ mới là làm lợi cho cá nhân*. Nhưng đồng thời khiến họ phải trăn trở khi “Nhức mắt nhìn xem phong cảnh lạ/ Đau lòng chạnh tưởng nước Nam nhà” (Thơ bà Bang Nhân về “nhượng địa” Đà Nẵng), và “Cờ ba sắc nhoáng tàu vô cửa/ Xe một đường thông ải suốt dài/ Tiếng địch gọi hồn non nước cũ, Bóng chiếu chói rạng phố lâu ai?” (Bài thơ *Đà Nẵng hoài cảm* của Trần Quý Cáp). Họ không thể không đặt câu hỏi: Tại sao nguồn lợi của nước mình giàu như thế, chỉ riêng ở Quảng Nam thôi cũng đã có “Bạc, vàng ở tại Bông Miêu/ Phò Nam, Phú Thượng biết bao nhiêu chè” (Bài ca về địa dư Quảng Nam của Trương Trọng Hữu) mà để cho người Pháp tước đoạt?, người Hoa Kiều biết thu lợi làm giàu mà bản thân người Việt không biết hùn vốn với nhau để hợp thương làm giàu cho mình và nâng lên thành Quốc thương làm giàu cho đất nước, cạnh tranh với các tư sản Pháp, Hoa kiều? *Sự xuất hiện khá sớm những yếu tố tư bản trên đất Quảng Nam, Đà Nẵng đã khiến cho con người nơi đây, nhất là kẻ sĩ sớm nhận ra một thực tế: Việt Nam thua Pháp cả một nền văn minh*. Vì vậy, ở họ thường trăn trở về nỗi trăn trở phải canh tân, tự cường để tồn tại, và cuối cùng là để lấy lại chủ quyền, để ngang hàng với các liệt cường trên thế giới. Ý chí Duy Tân đổi mới của kẻ sĩ Quảng Nam do vậy mà càng trở nên cấp bách. Trần Quý Cáp thúc giục: “Người nghĩa sĩ phải can trường trong vũ trụ/ Sá kể chi những nhà nho hủ/ Sao các người củ rũ thói hư/ Duy Tân là lúc hiện chừ!” (Bài thơ *Tôn chỉ Duy Tân*). Lê Cơ, một nhà thực hiện cải cách cũng lên tiếng hối thúc: “Anh em ta gắng đua tài/ Việt Nam có lúc viết bài tự do” (bài thơ *Giống trống Duy Tân*). Và ý chí đó của họ, khi đã được họ tuyên truyền, cổ xúy sẽ dễ nhận được sự thức tỉnh của người dân tỉnh nhà, bởi Quảng Nam, như đã phân tích ở trên, đã có những cơ sở kinh tế - xã hội để hiện thực hóa chủ thuyết Duy Tân.

Cũng phải nói thêm rằng, người Quảng Nam đã từng oanh liệt dùng bạo lực vũ trang đánh Pháp nhưng sớm thất bại. Vị Tiến sĩ người Quảng Nam, Trần Văn Dư vốn thuộc phái chủ chiến của Triều đình. Từ năm 1884, ông đã dâng sớ xin sửa chữa kỹ Nha Sơn phòng Quảng Nam tại xã Dương

Hòa, huyện Hà Đông (còn gọi là sơn phòng Dương Yên ở vùng núi Đèo Ron giáp giữa hai huyện Tiên Phước và Trà My hiện nay) “để vững mặt tả kỳ” (Quốc sử quán Triều Nguyễn, 1998, tr.556). Đến khi vua Hàm Nghi ra Dụ Cần Vương, Quảng Nam là một trong những địa phương đi đầu ứng nghĩa với bức thông điệp của vị Sơn phòng sứ Dương Yên - Tiến sĩ Trần Văn Dư, thống thiết kêu gọi: “Các sĩ phu, thứ dân toàn hạt, không kể quan, quân, sĩ thứ, ai có lòng thù giặc, xuất gia đầu quân, xuất quỹ nuôi quân, lập trường luyện võ, nhất nhất mưu đồ khởi nghĩa để đánh đuổi quân thù, giành lại quyền lợi cho thứ dân, tôn phò xã tắc lâu dài” (An Thiện, 1984, tr.16). Cái không khí lúc bấy giờ, như Huỳnh Thúc Kháng viết: “Nghĩa hội làm lập, quân hịch phong tri” (Nghĩa hội mọc lên như rừng rậm, quân hịch truyền khắp như gió bay) (Huỳnh Thúc Kháng, 1947). Nghĩa hội Quảng Nam đã từng có những chiến công oanh liệt, làm chủ cả vùng núi phía tây tỉnh, khiến cho Nam triều Đồng Khánh hết sức lo lắng, chỉ trong mấy tháng đã phải thay đổi liên tiếp 3 quan đầu tỉnh mà vẫn không vãn hồi được tình hình. Viên tỉnh quan Châu Đình Kế dù đã lập mưu sát hại được Hội chủ Trần Văn Dư, nhưng rồi cũng phải dâng tâu về Kinh nhận tội: “Thế giặc tỉnh ấy lớn dần; quân tỉnh ấy trốn nhiều, hiện còn không mấy, chống giữ không đủ” (Quốc sử quán Triều Nguyễn, 2007, tr.219). Hội chủ Nguyễn Duy Hiệu thay Trần Văn Dư tuy là một người có tài tổ chức, chỉ huy, đến mức viên Khâm sứ Trung Kỳ bấy giờ là Jean Baille nhận xét rằng: “Hiệu đã gây nên một cuộc phiến loạn trong tỉnh Quảng Nam có tác động rộng rãi và có nhiều uy thế của một phong trào quốc gia. Hiệu đã khơi dậy tinh thần yêu nước trong đầu óc của biết bao kẻ lâu nay chưa hề có ý thức. Hiệu đã nung nóng lên ở họ, kích thích thúc đẩy họ chiến đấu bằng một tình cảm nếu không phải là mới mẻ, thì ít ra cũng đã có ở đây tinh thần bài ngoại, tinh thần căm thù đối với người Pháp” (Trần Ngọc Chương, 1980, tr.27). Thế nhưng, dù có “dậy mau” và có nhiều trận chiến đấu ngoan cường, nhưng phong trào Nghĩa hội Quảng Nam lại rơi vào số “tan sớm”, chỉ sau 2 năm (8/1885 - 8/1887) đã tan rã. Vị Hội chủ Nguyễn Duy Hiệu ngay từ đầu đã nhận ra rằng sẽ khó thắng được thực dân Pháp, chỉ vì việc Nghĩa mà đứng lên hô hào sĩ dân chiến đấu để thể hiện “tấm lòng son đỏ” của mình. Ông đã nói với đồng nhân rằng: “Bọn ta cử sự, biết chắc thế nào cũng bại, chỉ vì danh nghĩa mà thôi” (Huỳnh Thúc Kháng, 1963, tr.14), và trước lúc tuẫn nạn ông còn bộc bạch trong 2 bài thơ tuyệt mệnh: “Tây Nam vô địch xích đồng tri/ Tảo cập kim thời thể khả vi...” (Vẫn biết rằng người Nam khó địch nổi giặc Tây, nhưng hiện tình đất nước như vậy, lẽ nào ngồi im mà nhìn), vậy nên: “Hưu tương thành bại luận anh hùng” (Chớ đem thành bại luận anh hùng). *Người Quảng Nam đã phải chứng kiến sự thất bại của Nghĩa hội Quảng Nam, và cũng đã phải chứng kiến cảnh đàn áp dã man của quân thù* “đã chém giết lại còn đốt phá nhà cửa, phân tháp làng xã, đào mả đào mồ”, gây nên “nhiều tấn kịch bi thảm” đối với nhân dân tỉnh này (Phan Thúc Duyện, 1931). *Họ phải suy tính tìm một phương thức cứu nước mới, bởi hiện tại mà vẫn cứ bạo động thì ắt là “tắc tử”*. Đây là lý do mà Phan Châu Trinh mặc dù vẫn công nhận “Phan Bội Châu là người khảng khái, dám làm, không kể thân mình, sức tự tin rất sâu”, nhưng lại ra sức phản đối quan điểm bạo động của Phan Bội Châu, vì ông cho rằng Phan Bội Châu “không xét thời thế, không kể lợi hại mà chủ trương bài Pháp, thì thủ đoạn không thể không do bạo động mà ra. Bạo động ắt thất bại và ắt chết” (Phan Châu Trinh, 2006, tr.594, 595). Có lẽ đó cũng là lý do tuy Quảng Nam cũng là nơi đặt bản doanh của Duy Tân hội, nhưng sự hưởng ứng phái bạo động của Nguyễn Thành - Phan Bội Châu lại không mạnh mẽ bằng sự hưởng ứng phong trào Duy Tân, đến mức sau chuyến đi Nhật về của Phan Châu Trinh, do sự tuyên truyền “bất bạo động” quá mạnh mẽ của ông mà tại quê nhà Quảng Nam, những người hưởng theo phái Duy Tân ngày càng nhiều, đến mức Nguyễn Thành lo ngại viết thư báo với Phan Bội Châu, và từ Nhật Phan Bội Châu lại phải gửi thư về nước “điều đình” với Phan Châu Trinh.

Và, một nhân tố hết sức quan trọng để đặt đại bản doanh phát động Duy Tân ở Quảng Nam là yếu tố con người - nguồn nhân lực hiện tại trực tiếp phát động, lãnh đạo công cuộc Duy Tân. Trước hết, Quảng Nam là nơi có nhiều trí thức, không chỉ hàng đại khoa mà còn có rất nhiều hàng trung khoa. Theo thống kê của tôi, trong lịch sử khoa cử triều Nguyễn, về số lượng đại khoa (tiến sĩ, phó bảng) Quảng Nam đứng hàng thứ 6 so với cả nước, nhưng đứng đầu các tỉnh phía Nam đèo Hải Vân (39 vị). Về số cử nhân có đến 252 người đỗ liên tiếp tất cả 32 khoa thi Hương, chiếm tỷ lệ

27,7% tổng số người thi đỗ ở trường thi Thừa Thiên, bằng 5,9% tổng số người thi đỗ trong cả nước (Ngô Văn Minh, 2001, tr.244). Chỉ xét từ khi Phan Châu Trinh khởi xướng Duy Tân ngược về trước chừng 20 - 30 năm thì số người có học vị cử nhân của tỉnh này đã ngót số trăm, còn số người đỗ tú tài thì nhiều lắm. Như vậy, đặt bản doanh ở Quảng Nam là quê hương của mình, Bộ ba Duy Tân Quảng Nam Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng vừa có được sự đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu của các trí thức nho học “qua cầu đút cầu, không ngó lại nữa” như các cử nhân Lê Bá Trinh, Phan Thúc Duyện, các tú tài như Lâm Hữu Mẫn, Đỗ Tự, Lê Quang Vĩ, Hồ Thanh Vân, Võ Hữu Kiên, Mai Dị, Trương Bá Huy, Dương Thường, Dương Thạch; lại vừa có được sự hậu thuẫn của những ông lý có học vấn, thức thời, vừa gần bó với dân, lại vừa có cái thế hợp pháp với chính quyền phong kiến, thực dân để trực tiếp đứng ra triển khai công cuộc cải cách ngay tại mỗi làng quê của mình, tiêu biểu như lý trưởng Lê Cơ ở làng Phú Lâm (mới đến trường Ba) là người anh em cô cậu với Phan Châu Trinh.

Thực tiễn phong trào Duy Tân ở Quảng Nam cho thấy, lãnh đạo phong trào ở cấp huyện là những tú tài, cử nhân, còn ở cấp xã do những ông lý đứng ra đảm nhận. Họ đã hiện thực hóa chủ thuyết Duy Tân thành những thực thể, từ làng Duy Tân kiểu mẫu Phú Lâm cho đến cả một phong trào Duy Tân sôi nổi, rộng khắp, công khai, đến mức trong một bản báo cáo gửi Công sứ Quảng Nam (1/7/1906), viên Đại lý Pháp tại Tam Kỳ đã phải lo ngại khi “có những nơi, toàn xã cùng gia nhập. Hàng tháng, Hội họp vào những ngày nhất định mồng một và mười lăm rất đều đặn, họp ở các chợ chính. Có cuộc số người dự lên đến cả ngàn người. Các bài diễn thuyết thật ra không hề có nội dung phá hoại. Nếu họ có đá kích đòi chút chính quyền lực của quan lại thì chủ yếu họ vẫn nhấn mạnh yêu cầu học hỏi để tiến tới có thể tự mình cai quản lấy mình. Họ ca ngợi nông nghiệp và thương mại như là những phương thức để làm giàu và nhờ đó mà trở nên mạnh. Nhưng chính ở trong những cuộc hội họp đó mà những người lãnh đạo tiếp xúc với dân chúng, làm cho dân quen nghe theo lời khuyên của họ và sau này sẽ tuân theo mệnh lệnh của họ” (Lê Thị Kinh, 2001, tr.48, 49). Và rồi, từ Quảng Nam, các nhà Duy Tân Xứ Quảng đi cổ động chủ thuyết Duy Tân ở các tỉnh trong Nam, ngoài Bắc, để chỉ trong một thời gian ngắn, phong trào đã phát triển ra cả 3 kỳ, đến mức, sức phát triển và những nội dung hoạt động của phong trào này khiến cho thực dân Pháp lo ngại hơn cả đối với hoạt động của Duy Tân hội cùng thời.

3. Kết luận

Tư tưởng Duy Tân tự cường đầu thế kỷ XX gắn liền với tên tuổi người khởi xướng Phan Châu Trinh, cùng với hai đồng chí nhiệt huyết của ông là Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, hình thành Bộ Ba Duy Tân Quảng Nam là một tư tưởng cứu nước mới mẻ. Các ông đã kiên trì tuyên truyền, cổ động cho sĩ dân thấy được sự đúng đắn, tính thức thời trong chủ thuyết cứu nước của mình để họ đứng ra tự thực hiện cải cách ngay từ làng xã, từ đó tạo nên một phong trào Duy Tân sôi nổi nhằm chấn hưng dân tộc rồi mới dẫn tính đến vấn đề độc lập.

Quảng Nam với những đặc điểm về văn hóa, tâm lý dễ thích ứng với cái mới, có truyền thống canh tân, sự xuất hiện sớm những yếu tố tư bản chủ nghĩa, những chuyển biến về kinh tế - xã hội, sự “dậy mau tan sớm” của phong trào Nghĩa hội kháng chiến chống Pháp cuối thế kỷ XIX, cả yếu tố con người trong những năm đầu thế kỷ XX đã tạo nên những điều kiện để nó trở thành nơi xuất hiện những người lập thuyết Duy Tân và là nơi khởi phát của phong trào này.

Tài liệu tham khảo:

An Thiện. (1984). Vài nét về Trần Văn Dư với phong trào Nghĩa hội ở Quảng Nam. Bài đăng trong *Nghiên cứu Lịch sử địa phương và chuyên ngành Quảng Nam – Đà Nẵng*. Số 3.

Chương Thâu. (2014). Lời Tựa cho sách *Phạm Phú Thứ toàn tập* (Phạm Ngô Minh chủ biên). Nxb Đà Nẵng.

Đỗ Quang Hưng. (1993). Tính cách Xứ Quảng trong con người Phan Châu Trinh. Bài đăng trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng* (tổ chức tại Đà Nẵng ngày 8-9/9/1992). Nxb Đà Nẵng.

Gouin, A. J. (1903). Tourane et le centre Annam. *Bulletin administratif de Annam*.

- Huỳnh Thúc Kháng. (1947). *Thư của Ủy ban kháng chiến quân dân chính Chính phủ Việt Nam gửi đồng bào quốc dân, ngày 1/1/1947*. Bản gốc chữ Hán lưu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia I.
- Huỳnh Thúc Kháng. (1959). *Phan Tây Hồ tiền sinh lịch sử*. Anh Minh xuất bản. Huế.
- Huỳnh Thúc Kháng. (1963). *Tự truyện*. Anh Minh dịch và xuất bản.
- Lê Thị Kinh. (2001). *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới*. Quyển 1. Tập 1. Nxb Đà Nẵng, 2001.
- Ngô Văn Minh. (2001). Truyền thống hiếu học, học giỏi và ảnh hưởng của trí thức Quảng Nam đối với các phong trào yêu nước nửa cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Bài đăng trong Kỷ yếu hội thảo khoa học *Văn hóa Quảng Nam những giá trị đặc trưng*. Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Quảng Nam xuất bản.
- Ngô Văn Minh. (chủ biên, 2007). *Lịch sử Đà Nẵng (1858-1945)*. Nxb Đà Nẵng.
- Nguyễn Sinh Duy. (1996). *Phong trào Nghĩa hội Quảng Nam*. Nxb Đà Nẵng.
- Nguyễn Văn Xuân. (1995). *Phong trào Duy tân*. Nxb Đà Nẵng.
- Phạm Xanh (2003). Tại sao Quảng Nam – Đà Nẵng là đất phát khởi phong trào Duy tân. Tham luận lưu hành tại *Hội thảo khoa học kỷ niệm 100 năm phong trào Duy tân, tổ chức tại Đà Nẵng, ngày 28/8/2003*.
- Phan Châu Trinh (2006). Pháp Việt liên hiệp hậu chi tân Việt Nam. Dẫn theo Nguyễn Văn Dương (2006). *Tuyển tập Phan Châu Trinh*. Nxb Văn hóa - Thông tin.
- Phan Thúc Duyện. (1931). *Thư gửi Reynaud, Bộ trưởng Thuộc địa Pháp, tháng 10/1931*.
- Quốc Sử quán Triều Nguyễn. (1964). *Đại Nam nhất thống chí*. Quyển 5. Nha Văn hóa - Bộ Quốc gia giáo dục Việt Nam Cộng hòa.
- Quốc sử quán Triều Nguyễn. (1992). *Đại Nam nhất thống chí*. Tập 2. Nxb Thuận Hóa. Huế.
- Quốc sử quán Triều Nguyễn. (1998). *Quốc triều chính biên toát yếu*. Nxb Thuận Hóa, Huế.
- Quốc sử quán Triều Nguyễn. (2007). *Đại Nam thực lục*. Tập chín. Nxb Giáo dục.
- Trần Ngọc Chương (1980). *Lịch sử phong trào yêu nước chống Pháp huyện Tiên Phước*. Bản đánh máy.
- Trần Quốc Vượng. (1998). *Việt Nam – cái nhìn địa văn hóa*. Nxb Văn hóa dân tộc – Tạp chí Văn hóa nghệ thuật. Hà Nội.
- Trần Trọng Kim. (2022). *Việt Nam sử lược*. Nxb Văn học, Hà Nội.
- Vũ Ngọc Khánh. (2003). Lá cờ đầu của phong trào Duy tân đầu thế kỷ XX, niềm vinh dự của Quảng Nam, Đà Nẵng. Tham luận lưu hành tại *Hội thảo khoa học kỷ niệm 100 năm phong trào Duy Tân, tổ chức tại Đà Nẵng, ngày 28/8/2003*.